

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2023

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Thái Hiệp

2. Ông Danh On

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhã Trúc, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Danh Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 172/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Mộng H, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 8, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Cà L, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 6 năm 2023 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn bà Cao Mộng H trình bày: Bà và ông Nguyễn Cà L chung sống như vợ chồng từ năm 1991 và không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có 05 người con chung gồm: Nguyễn Cà B, sinh năm 1993; Nguyễn Cà B1, sinh năm 1995; Nguyễn Cà N, sinh năm 2000; Nguyễn Cà R, sinh năm 2003 và Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 2007. Hiện nay, B, B1, N, R đã trưởng thành còn cháu Đ đang sống cùng ông L. Về tài sản chung, 07 công tằm cây đất ruộng do ông Cà L đứng tên quyền sử dụng đất và hiện nay Nguyễn Cà N đang

quản lý, sử dụng đất. Bà và ông L không nợ tiền, tài sản của bất kỳ cá nhân, cơ quan, tổ chức tín dụng nào.

Do quá trình chung sống, bà và ông L thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi nhau, có lần ông L còn sử dụng bạo lực đối với bà khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Đồng thời, bà và ông L cũng đã sống ly thân bảy năm nay mà không có biện pháp hàn gắn mối quan hệ vợ chồng.

Vì vậy, nay bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Cà L. Về con chung, B, B1, N, R đã trưởng thành nên không yêu cầu. Riêng cháu Đ, bà tôn trọng nguyện vọng của cháu. Nếu cháu Đ lựa chọn sống cùng bà thì bà cũng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, bà và ông L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông Nguyễn Cà L từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử, ông L đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến, Tòa án có đến nhà ông L để tiến hành lấy lời khai nhưng không gặp ông L nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của ông L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bà H và ông L không phải là vợ chồng. Về con chung, giao cháu Đ cho ông L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, ông L không yêu cầu nên không xem xét. Tài sản chung tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung không có và không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 25 tháng 6 năm 2023 bà Cao Mộng H nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với ông Nguyễn Cà L. Khi khởi kiện, ông Nguyễn Cà L cư trú tại ấp Nn, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Cà L đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo

quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 1991 bà H và ông L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, chỉ có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, là hôn nhân không hợp pháp. Bà H cho rằng, trong quá trình chung sống, bà và ông L thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi nhau, có lần ông L còn sử dụng bạo lực đối với bà khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông L. Đồng thời, bà và ông L cũng đã sống ly thân bảy năm nay mà không có biện pháp hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông L biết bà H yêu cầu ly hôn nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến và cũng không thể hiện thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng, điều này thể hiện thông qua việc Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông L để hòa giải, xét xử nhưng ông L có thái độ bỏ mặc không đến hòa giải và xét xử. Xét thấy, do bà H và ông L không có đăng ký kết hôn, theo quy định khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản... được giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình*”. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà H và ông L là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Bà Cao Mộng H xác định, bà và ông L có năm người con chung gồm: Nguyễn Cà B, sinh năm 1993; Nguyễn Cà B1, sinh năm 1995; Nguyễn Cà N, sinh năm 2000; Nguyễn Cà R, sinh năm 2003 và Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 2007. Do B, B1, N, R đã trưởng thành nên bà không đặt ra yêu cầu. Riêng cháu Nguyễn Thị Hồng Đ thì bà H tôn trọng nguyện vọng của cháu. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi là phải xem xét toàn diện, đảm bảo điều kiện sống cho con chưa thành niên. Hiện nay, cháu Đ đang sống cùng ông L, cháu Đạm đang sống ổn định và phát triển bình thường. Đồng thời, Theo biên bản ghi nhận ý kiến ngày 28 tháng 7 năm 2023, cháu Nguyễn Thị Hồng Đ xác định, hiện nay cháu đang sống cùng cha và nếu cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống cùng cha. Do vậy, cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Hồng Đ cho ông Nguyễn Cà L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con, ông Nguyễn Cà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Bà Cao Mộng H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Bà H xác định, bà và ông L có tài sản chung là 07 công tằm cây đất ruộng do ông Nguyễn Cà L đứng tên quyền sử dụng đất và hiện nay anh Nguyễn Cà N đang quản lý, sử dụng. Ngoài ra, vợ chồng bà không

còn tài sản chung nào khác. Tuy nhiên, đối với phần tài sản chung, bà H và ông L tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bà H và ông L đều không đặt ra tranh chấp phần tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp, sau này bà H và ông L không thỏa thuận được với nhau về phần tài sản chung thì bà H và ông L được quyền khởi kiện ở vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình bà H phải nộp 300.000 đồng. Bà H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010681 ngày 26 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, được chuyển thu án phí.

[4] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Cao Mộng H và ông Nguyễn Cà L là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh ngày 31 tháng 5 năm 2007 cho ông Nguyễn Cà L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Bà Cao Mộng H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con, ông Nguyễn Cà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà Cao Mộng H và ông Nguyễn Cà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình bà H phải nộp 300.000 đồng. Bà H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010681 ngày 26 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, được chuyển thu án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Lệ Thu